

## MỐI QUAN HỆ GIỮA NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỚI CÁC TỔ CHỨC TIN LÀNH HIỆN NAY

NGUYỄN HỒNG DƯƠNG<sup>(\*)</sup>

**Đ**ổi mới quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo có đổi mới về quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với các tổ chức tôn giáo trong đó có các tổ chức đạo Tin Lành.

Tính đặc thù về lịch sử truyền giáo phát triển đạo Tin Lành ở Việt Nam và đặc thù về sự đa dạng tổ chức đạo Tin Lành ở Việt Nam là hai đặc thù quan trọng trong mối quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với các tổ chức đạo Tin Lành ở Việt Nam.

### 1. Về đặc thù lịch sử truyền giáo phát triển đạo Tin Lành ở Việt Nam

Đạo Tin Lành truyền vào Việt Nam năm 1911, buổi đầu thuộc về Tin Lành Bắc Mỹ, hệ phái C.M.A<sup>(1)</sup>. Truyền đạo Tin Lành vào Việt Nam vừa là sự nhập cảng cứng nhắc lại vừa mang tính hệ phái. Cứng nhắc ở chỗ đạo Tin Lành không chấp nhận đối thoại với văn hóa truyền thống Việt Nam và với các tôn giáo đang hiện diện tại Việt Nam. Do gạt tín ngưỡng truyền thống thờ cúng Tổ tiên của người Việt ra ngoài nên đạo Tin Lành ít được người dân Việt, một cộng đồng có truyền thống văn hóa mở, luôn biết đón nhận và

tiếp thu các nền văn hóa cũng như các tôn giáo khác tin theo.

Thời thuộc Pháp, do Thực dân Pháp dựa vào Công giáo, đồng thời do đạo Tin Lành từ Bắc Mỹ truyền vào nên chính quyền thuộc địa chẳng những không mặn mà với tôn giáo này mà thậm chí còn nghi kị nên đã có những biện pháp khác nhau kìm chế sự phát triển của đạo Tin Lành.

Khi dân tộc Việt Nam bước vào cuộc kháng chiến chín năm chống Thực dân Pháp xâm lược (1946 - 1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh khuyên người đứng đầu Hội Thánh Tin Lành Miền Bắc lúc đó - Mục sư Lê Văn Thái, nên thành lập "Tin Lành cứu quốc". Viện lý do "Tin Lành không làm chính trị", vị mục sư này đã thẳng thắn từ chối<sup>(2)</sup>. Như vậy, về mặt quan phương, trong cuộc kháng chiến thân thánh của dân tộc ta chống Thực dân Pháp, đạo Tin Lành đã đứng ngoài cuộc.

Thời kì Mỹ xâm lược Việt Nam (1954 - 1975), đạo Tin Lành có điều kiện phát

\*. PGS. TS. Viện Nghiên cứu Tôn giáo.

1. Đó là Hội Liên hiệp Cơ Đốc và Truyền giáo của Tin Lành Bắc Mỹ (The Christian and Missionary Alliance - CMA).

2. Lê Văn Thái. *Bốn mươi sáu năm chức vụ* (Hồi kí), Cơ quan xuất bản Tin Lành, 1971, tr. 160.

triển không chỉ trong tầng lớp thị dân, trong một bộ phận công chức gắn với chính quyền Mỹ - Ngụy mà còn phát triển về vùng nông thôn, đặc biệt là trong vùng các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên.

Năm 1975, Miền Nam (Việt Nam) được giải phóng, thời kì đầu đạo Tin Lành gặp phải sự xáo trộn, trong đó có vấn đề một bộ phận giáo sĩ và tín đồ tham gia tổ chức FULRO, một tổ chức chống lại sự thống nhất của dân tộc Việt Nam. Từ cuối những năm 1980, đến những năm 1990, đạo Tin Lành phát triển trong vùng dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, đặc biệt là phát triển trong người Dao và người Hmông ở miền núi phía Bắc Việt Nam, có nhiều vấn đề phức tạp liên quan đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Sự phát triển này được xem là bất bình thường.

## 2. Về đặc thù tổ chức

Khác với một số tôn giáo như Phật giáo, Công giáo,... chỉ có một tổ chức cùng thực hiện chung một giáo lí, giáo luật, giới răn, v.v... đạo Tin Lành ngay từ khi ra đời đã phân liệt thành các hệ phái. Theo thời gian, đến nay, đạo Tin Lành trên thế giới có hàng trăm hệ phái. Thật khó có thể thống kê một cách đầy đủ, hiện tại trên thế giới có bao nhiêu hệ phái Tin Lành. Bởi hiện tại các hệ phái mới của đạo Tin Lành vẫn tiếp tục ra đời. Đặc thù này quy định tổ chức đạo Tin Lành ở Việt Nam. Cho đến năm 1975, nếu như ở Miền Bắc chỉ có Tin Lành hệ phái C.M.A, các chi hội tập trung trong Tổng hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) thì ở Miền Nam ngoài Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam

(Miền Nam), số lượng tín đồ đông nhất khoảng 200.000 (chiếm khoảng 85% tổng số tín đồ đạo Tin Lành ở các tỉnh, thành phố), còn có một số hệ phái Tin Lành khác như Hội Thánh Cơ đốc Phục lâm, Hội Thánh Báp Tít, Tin Lành Ngũ Tuần, Hội Thánh Chứng nhân Giêhôva, Hội Thánh Liên hữu Cơ đốc, v.v... với khoảng 60.000 người.

Từ những năm 1980, có sự “bùng nổ” các hệ phái (Hội Thánh) Tin Lành ở Việt Nam. Ngoài Tổng Liên hội ở Miền Nam, Tổng hội ở Miền Bắc (hệ phái C.M.A) và một số hội thánh vốn có trước năm 1975 là các hệ phái mới. Tài liệu của Trần Hữu Hợp cho biết chỉ riêng đạo Tin Lành vùng đồng bằng sông Cửu Long, tổng số hệ phái đã lên tới con số trên 40<sup>(3)</sup>. Các hệ phái Tin Lành hoạt động độc lập với hình thức tổ chức riêng. Về giáo lí, các hệ phái dựa trên nền tảng Kinh Thánh nhưng lại có một số khác biệt về đời sống đạo.

## 3. Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam với vấn đề công nhận các tổ chức đạo Tin Lành tại Việt Nam

Năm 1954, Miền Bắc Việt Nam được giải phóng, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam tiến hành cải tạo xã hội, xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa. Năm 1954, 1955, một bộ phận tín đồ đạo Tin Lành và một số giáo sĩ Miền Bắc di cư vào Nam. Đạo Tin Lành ở Miền Bắc chịu một phen chao đảo. Với

3. Trần Hữu Hợp. *Tin Lành vùng đồng bằng sông Cửu Long. Hiện trạng và một vài vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển*. Tham luận tại Tọa đàm bàn tròn: *Đạo Tin Lành ở Việt Nam 1975 đến năm 2011*.

tinh thần tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo, quan tâm tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động tôn giáo bình thường, do đặc thù của đạo Tin Lành ở Miền Bắc lúc bấy giờ nên năm 1958, Đảng và Nhà nước Việt Nam giúp đỡ một số tín đồ đạo Tin Lành còn lại ở Miền Bắc (khoảng 5.000 tín đồ) không di cư vào Nam, lập Tổng hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc). Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) hoạt động theo đường hướng tiến bộ “Phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc”. Tổng hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) là tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận hoạt động; nhân sự lãnh đạo là thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tổng hội đã trải qua 31 lần đại hội đồng (tính đến năm 1975), gây dựng được truyền thống gắn bó hoạt động tôn giáo với sự nghiệp của đất nước.

Sau năm 1975, Tổng hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) tiếp tục hoạt động bình thường. Đời sống tôn giáo của tín đồ được bảo đảm. Song do điều kiện khách quan và chủ quan Tổng hội không thể tiếp tục họp đại hội đồng. Và phải đợi đến năm 2004 mới tiến hành họp Đại hội đồng lần thứ 32.

Sau ngày Miền Nam Việt Nam giải phóng (30/4/1975), lợi dụng tình hình khó khăn về kinh tế - xã hội sau chiến tranh ở Tây Nguyên, một số giáo sĩ đạo Tin Lành có tư tưởng chống đối đã câu kết với tổ chức FULRO hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam. Đạo Tin Lành đã bị lợi dụng vào mục đích chính trị sâu sắc gây mất ổn định chính trị - xã hội, cản trở việc xây dựng xã hội mới ở Tây

Nguyên. Trước tình hình đó, chính quyền địa phương buộc phải giải tán Hội Thánh, nhà thờ Tin Lành bị đóng cửa. Trong điều kiện như vậy, tín đồ đạo Tin Lành sinh hoạt tín ngưỡng tại gia đình.

Tuy nhiên, sau đó một thời gian, mối quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với các hội thánh Tin Lành dần dần được giải tỏa. Về quan điểm, đánh dấu bằng Nghị quyết 24-NQ-TW ngày 16/10/1990 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Đối với các hệ phái tôn giáo, trong đó có hệ phái Tin Lành, Nghị quyết 24 chỉ rõ: “Các giáo hội và các hệ phái tôn giáo có đường hướng hành đạo gắn bó với dân tộc, có tôn chỉ, mục đích, điều lệ phù hợp với luật pháp Nhà nước, có tổ chức thích hợp và có bộ máy nhân sự đảm bảo tốt về hai mặt đạo, đời, được Nhà nước xét trong từng trường hợp cụ thể để cho phép hoạt động”.

Sau Nghị quyết 24 còn có các văn bản khác liên quan đến đạo Tin Lành từ 1990 - 1999 như: Thông báo kết luận 145 (15/6/1998), Chỉ thị 37 (02/7/1998), Thông báo 184 (30/11/1998). Ngoài ra còn là Nghị định 69 (21/3/1991), Nghị định 26 (19/4/1999) và Chỉ thị 379 (23/7/1993). Dựa vào các văn bản trên, một kế hoạch được xây dựng, đó là *Kế hoạch 184 A triển khai chủ trương đối với đạo Tin Lành ở một số tỉnh, thành phố*. Chủ trương được dựa trên các nguyên tắc sau đây:

1 - Thừa nhận Tin Lành là một tôn giáo ở Việt Nam. Hệ phái Tin Lành được phép hoạt động khi có hiến chương, điều lệ phù hợp với luật pháp; có đường hướng hành đạo tiến bộ; có nhân sự lãnh

đạo của giáo hội, đảm bảo tư cách công dân và có uy tín trong tín đồ; loại bỏ yếu tố chính trị lợi dụng tôn giáo.

2 - Để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo bình thường của quần chúng, tiến hành xem xét cho phép hoạt động từng hệ phái. Tín đồ hệ phái chưa được phép hoạt động vẫn sinh hoạt tín ngưỡng tại gia đình. Không chủ trương thống nhất các hệ phái.

3 - Chăm lo đời sống và vận động thuyết phục quần chúng tín đồ hiểu rõ chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước; hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của kẻ xấu, tự do lựa chọn tín ngưỡng tôn giáo hoặc không tín ngưỡng tôn giáo. Không dùng các biện pháp hành chính ép buộc đồng bào bỏ đạo Tin Lành<sup>4</sup>.

Trên cơ sở của nguyên tắc chung, một kế hoạch cụ thể được đề ra với Hội Thánh Tin Lành Miền Bắc và Hội Thánh Tin Lành Miền Nam.

Đối với Hội Thánh Tin Lành Miền Bắc, là hướng dẫn, giúp đỡ chuẩn bị nội dung Đại hội đồng lần thứ 32.

Đối với đạo Tin Lành ở Miền Nam, do tính đặc thù trên địa bàn có nhiều hệ phái Tin Lành, trong đó có những hệ phái hoặc mới du nhập hoặc mới tách, nhập nên không thể công nhận đồng loạt mà tiến hành xem xét, công nhận từng hệ phái. Trong các hệ phái đạo Tin Lành ở Miền Nam, Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) có số lượng tín đồ, mục sư, truyền đạo đông nhất, chiếm gần 85% tổng số (với khoảng 350.000 tín đồ, 450 mục sư truyền đạo, 350 Hội Thánh cơ sở, thời điểm 1999) tín đồ đạo Tin Lành nói chung. Xuất phát từ

tình hình, thực tế trên, trước hết là việc chấp thuận cho Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) được phép hoạt động. Đồng thời, theo đó yêu cầu Tổng Liên hội gấp rút chuẩn bị các điều kiện để trong khoảng một thời gian nhất định tiến hành Đại hội đồng. Kế hoạch chuẩn bị bao gồm nhiều nội dung như: Đại hội cơ sở củng cố Ban Chấp sự, cử đại biểu dự đại hội đồng Tổng Liên hội; Soạn thảo Hiến chương thay cho Điều lệ cũ; Xây dựng chương trình hoạt động của Tổng Liên hội; Chuẩn bị nhân sự tham gia cơ quan lãnh đạo của Tổng Liên hội.

Đối với đạo Tin Lành ở các tỉnh Tây Nguyên và miền núi phía Nam do tính đặc thù của lịch sử truyền giáo để lại, đặc biệt là sau năm 1975 với hoạt động của một số giáo sĩ và tín đồ gắn kết với FULRO chống phá cách mạng, chính quyền địa phương (xã, huyện, tỉnh) căn cứ vào tình hình thực tế cho phép đăng kí và sinh hoạt tín ngưỡng theo quy định của pháp luật ở từng Hội Thánh. Bước đầu làm điểm, sau rút kinh nghiệm mở rộng.

Vào thời điểm cuối những năm 1990, đạo Tin Lành phát triển trong đồng bào Hmông và đồng bào Dao ở miền núi phía Bắc là rất phức tạp. Thời kì này xuất hiện những cộng đồng tín ngưỡng tôn giáo không đồng nhất. Có một bộ phận sau một thời gian theo đạo dần dần nhận thức rõ tín ngưỡng tôn giáo của mình là đạo Tin Lành. Có một bộ phận chưa nhận thức rõ tín ngưỡng tôn giáo của mình tự nhận theo đạo Tin Lành - Vàng Trứ Lại

4. Ban Chỉ đạo 184 TW. Báo cáo 5 năm thực hiện chủ trương công tác đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới, Hà Nội, ngày 8 tháng 9 năm 2004.

có một bộ phận tự nhận là tín đồ của đạo Vàng Trú. Một bộ phận nhân dân sau một thời gian theo đạo đã tự động bỏ, quay về với tín ngưỡng truyền thống dân tộc. Cá biệt có một bộ phận nhỏ bỏ đạo nhưng cũng không quay về với tín ngưỡng truyền thống dân tộc. Trong người Dao là bộ phận dân cư theo đạo Thìn Hùng. Thời gian này trong đồng bào Hmông còn có một số người theo “đạo Dương Văn Minh”... Vì vậy, việc cho phép tín đồ sinh hoạt tôn giáo phải được xem xét cụ thể từng bộ phận, đối với bộ phận cư dân thực sự tin theo đạo Tin Lành, chính quyền cơ sở hướng dẫn cho họ sinh hoạt tôn giáo tại gia đình và quy định rõ địa bàn sinh hoạt tôn giáo cơ sở.

Ngày 7/10/1999, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành chủ trương đối với đạo Tin Lành. Chủ trương nhấn mạnh một số điểm sau đây đối với đạo Tin Lành.

- Khẳng định chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trước sau như một tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi công dân. Tôn giáo là một vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, v.v...

- Từng hệ phái Tin Lành chỉ được xem xét cho phép hoạt động khi có hiến chương, điều lệ, đường hướng hành đạo phù hợp với chính sách và luật pháp; nhân sự chủ chốt theo đường hướng tiến bộ, không mang yếu tố chính trị phản động, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Các hệ phái khác được sinh hoạt tín ngưỡng cá nhân tại cơ sở thờ tự hợp pháp và gia đình theo sự

hướng dẫn và quản lý của Nhà nước tại cơ sở. Không chủ trương thống nhất các tổ chức, hệ phái Tin Lành.

#### 4. Những kết quả đạt được

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là chủ trương đối với đạo Tin Lành trong tình hình mới của Bộ Chính trị, các ban, ngành chức năng làm công tác tôn giáo từ trung ương đến địa phương vào cuộc một cách khẩn trương. Nhiều công việc được tiến hành đồng thời như giúp đỡ, tạo điều kiện cho các chi hội tiến hành Đại hội đồng, bầu Ban chấp sự, cử đại biểu đi dự Đại hội đồng Tổng Liên hội. Với cơ quan Tổng Liên hội là việc soạn thảo Hiến chương, chuẩn bị nhân sự. Khi công việc hoàn tất, từ ngày 7 đến ngày 9 tháng 2 năm 2001 Đại hội đồng Tổng Liên hội Hội Thánh Việt Nam (Miền Nam) lần thứ nhất (lần thứ 43 theo lịch sử của Hội Thánh) được tiến hành với hơn 260 đại biểu là tín đồ và hơn 200 mục sư, truyền đạo. Các địa phương đã tạo điều kiện cho các đại biểu là chức sắc, tín đồ thuộc các chi hội ở các tỉnh Tây Nguyên về dự. Mặc dù tình hình đạo Tin Lành ở Tây Nguyên khi đó đang diễn biến hết sức phức tạp.

Đại hội đồng đã tiến hành đạt kết quả tốt. Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) được Nhà nước Việt Nam công nhận tư cách pháp nhân. Ở thời điểm này (2001) 25/32 tỉnh, thành phố phía Nam có Ban Đại diện hoặc người đại diện. Sinh hoạt tôn giáo của Tổng Liên hội diễn ra bình thường theo đúng pháp luật. Năm 2002, Nhà nước Việt Nam cho phép Tổng Liên hội thành lập

Viện Thánh kinh Thần học, cơ quan đào tạo chức sắc của Tổng Liên hội.

Ngày 01/3/2009, Đại hội đồng Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) lần thứ 3 (lần thứ 45 theo lịch sử Giáo hội) khai mạc tại Nhà thờ Tin Lành Sài Gòn (Thành phố Hồ Chí Minh). Tham dự Đại hội đồng có 821 đại biểu chính thức là các mục sư, mục sư nhiệm chức, truyền đạo và các tín hữu được bầu chọn từ các chi hội Tin Lành tại 34 tỉnh, thành phố khu vực phía Nam (từ Quảng Trị đến Cà Mau) cùng 500 đại biểu dự thỉnh.

Trong ngày đầu Đại hội đồng, nhiều mục sư tín hữu Tin Lành đã bày tỏ niềm vui và cảm ơn sự giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi về nhiều mặt của chính quyền các địa phương có chi hội Tin Lành đối với hoạt động của Hội Thánh; đồng thời tin tưởng các hoạt động mục vụ cũng như sinh hoạt của Hội Thánh từ Tổng Liên hội đến các chi hội sẽ ngày càng khởi sắc (theo TTXVN).

Với Tổng hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc), từ cuối năm 1999, Nhà nước đã có chủ trương cho Tổng hội chuẩn bị Đại hội đồng lần thứ 32 (theo lịch sử Giáo hội). Để có thể tiến hành đại hội đồng, một số công việc phải thực hiện. Chi hội Hội Thánh Tin Lành Hà Nội, một chi hội vốn có vai trò và vị trí quan trọng của Tổng hội tiến hành đại hội thường niên, bầu Ban Trị sự nhiệm kỳ 2003-2005. Tổ chức của chi hội được củng cố, nhất là về nhân sự. Sau một thời gian chuẩn bị, tháng 3/2004, Tổng hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) ban hành dự thảo *Điều lệ Hội Thánh Tin*

*Lành Việt Nam (Miền Bắc)* để lấy ý kiến rộng rãi các tín đồ. Điều lệ gồm 10 chương 76 điều. Cùng thời điểm này bản dự thảo Nội quy; Giáo luật; Kỉ luật của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) cũng được công bố. Bản Giáo luật gồm 6 chương, 18 điều; Bản Kỉ luật tại các Hội đồng gồm 5 chương, 10 điều.

Ngày 01/12/2004, Đại hội đồng lần thứ 32 của Tổng hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) khai mạc tại nhà thờ Tin Lành chi hội Hà Nội. 157 đại biểu là mục sư, giảng sư và tín hữu được bầu chọn từ các chi hội thuộc 20 tỉnh thành, cùng 400 tín đồ đến dự. Đại hội bầu Ban Trị sự Tổng hội, thông qua Điều lệ. Ngày 04/02/2005, tại nhà thờ Tin Lành Hà Nội, Đại diện Ban Tôn giáo Chính phủ trao Thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp nhận Điều lệ mới và nhân sự Ban Trị sự Tổng hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) nhiệm kỳ 2004-2008.

Ngày 24 - 25/02/2009 tại nhà thờ Tin Lành chi hội Hoàn Nhị (Nam Định), Đại hội đồng lần thứ 33 Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) được tiến hành. Mục sư Nguyễn Hữu Mạc được bầu làm Hội trưởng Tổng hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc).

Ngày 18/6/2004, *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* được công bố. Vấn đề công nhận tổ chức tôn giáo trong đó có tổ chức (Hội thánh) Tin Lành được quy định chi tiết cụ thể tại Điều 16.

Sự ra đời của *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* đặc biệt với việc quy định xét công nhận tổ chức tôn giáo tại Điều 16 đã là chỗ dựa pháp lí để các cơ quan quản lí

tôn giáo xem xét công nhận các tổ chức tôn giáo. Với đạo Tin Lành, có một điều kiện thuận lợi nữa là việc ban hành *Chỉ thị 01* của Thủ tướng Chính phủ *Về một số công tác đối với đạo Tin Lành*<sup>5</sup>. Chỉ thị dành điểm 4 và điểm 5 về đạo Tin Lành ở Tây Nguyên, Nam Trường Sơn và các tỉnh Miền Trung (điểm 4), về đạo Tin Lành miền núi phía Bắc (điểm 5).

Dưới đây là toàn văn hai điểm 4 và 5.

(4) Đối với đồng bào theo đạo Tin Lành ở Tây Nguyên, Nam Trường Sơn và các tỉnh Miền Trung:

Tiếp tục xem xét công nhận các chi hội thuộc Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) và tạo điều kiện thuận lợi để các chi hội này xây dựng nơi thờ tự, đào tạo và bố trí chức sắc hướng dẫn việc đạo cho các chi hội đã được công nhận theo quy định của pháp luật.

Đối với những nơi chưa đủ điều kiện để được công nhận lập chi hội, nếu đồng bào theo đạo ở đó có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo thuần túy, cam kết chấp hành các quy định của pháp luật, không hoạt động cho FULRO, không dính líu đến “Tin Lành Đê Ga” (thực chất là tổ chức của lực lượng phản động FULRO) thì chính quyền xã, phường tạo điều kiện cho đồng bào thực hiện sinh hoạt tôn giáo bình thường tại gia đình hoặc chấp thuận cho đồng bào đăng kí sinh hoạt đạo tại địa điểm thích hợp trong buôn, làng.

(5) Đối với đồng bào miền núi phía Bắc mới theo đạo Tin Lành, cần căn cứ vào nhu cầu tín ngưỡng để có chủ trương thích hợp theo hướng:

Đối với bộ phận đồng bào đã có thời gian theo đạo Tin Lành có nhu cầu tín ngưỡng thực sự, trước mắt hướng dẫn cho đồng bào sinh hoạt tôn giáo tại gia đình, hoặc nơi nào có nhu cầu thì hướng dẫn cho đồng bào đăng kí sinh hoạt ở địa điểm thích hợp tại bản, làng. Khi hội đủ các điều kiện thì tạo thuận lợi cho đồng bào sinh hoạt tôn giáo bình thường theo quy định của pháp luật.

Đối với bộ phận đồng bào đã theo đạo, nay có nhu cầu trở lại với tín ngưỡng truyền thống của dân tộc mình, cần tạo điều kiện giúp đỡ để đồng bào thực hiện ý nguyện đó.

Với *Chỉ thị 01* “Vấn đề Tin Lành” trong đó có vấn đề công nhận tổ chức (Hội Thánh) đã được giải quyết một cách tổng thể.

Tính đến thời điểm 2009, các tỉnh ở Tây Nguyên, Bình Phước đã tiến hành công nhận 150 chi hội thuộc Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) và hướng dẫn 1.768 điểm nhóm của các hệ phái Tin Lành khác đăng kí sinh hoạt ổn định với chính quyền cơ sở.

Chính quyền các tỉnh ở Tây Nguyên đã cấp phép xây dựng 20 nhà thờ, nhà nguyện (tỉnh Lâm Đồng giao lại 3 nhà thờ cho Tổng Liên hội), chấp thuận cho 30 chi hội có quỹ đất để làm thủ tục xây dựng nhà thờ. Riêng tỉnh Bình Phước cho tồn tại 165 nhà nguyện bán kiên cố làm nơi sinh hoạt tôn giáo ở các điểm nhóm đã đăng kí.

Nhà xuất bản Tôn giáo cấp giấy phép cho Tổng Liên hội xuất bản 300.000

5. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Số 01/2005/CT-TTg, ngày 04 tháng 02 năm 2005.

quyển Kinh Thánh song ngữ tiếng Việt - Ba Na, Việt - Gia Rai, Việt - Ê Đê (là những dân tộc thiểu số có đông đồng bào theo đạo Tin Lành) để đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo cho đồng bào.

Đối với đồng bào miền núi phía Bắc theo đạo Tin Lành (chủ yếu là đồng bào Hmông và Dao) sau khi *Chi thị OI* ra đời, các Bộ, ngành trung ương và địa phương đã triển khai một cách tích cực, kịp thời đáp ứng nguyện vọng của đồng bào theo đạo. Tài liệu từ các cơ quan chức năng cho biết, đến năm 2011 ở miền núi phía Bắc đã có hơn 250 điểm nhóm được cấp đăng kí, sinh hoạt tôn giáo dần đi vào nền nếp.

Hiện tại có 9 hệ phái và 10 tổ chức Tin Lành được Ban Tôn giáo Chính phủ trao quyết định công nhận tổ chức tôn giáo.

Đó là:

Tổng hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) (năm 1958)

Tổng Liên hội Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) (năm 2001)

Hội Truyền giáo Cơ đốc Việt Nam (năm 2007)

Hội Thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam (năm 2007)

Hội Thánh Cơ đốc Phục lâm Việt Nam (năm 2008)

Tổng hội Báp Tít Việt Nam (Ấn điển Nam Phương) (năm 2008)

Hội Thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam (năm 2008)

Hội Thánh Báp Tít Việt Nam (Nam Phương) (năm 2008)

Hội Thánh Phúc Âm Ngũ Tuần (năm 2008)

Hội Thánh Mennonite Việt Nam (năm 2009).

Trong thời gian tới, các hệ phái (Hội Thánh) và các điểm nhóm đạo Tin Lành tiếp tục sẽ được công nhận.

Tuy nhiên, do hai đặc thù về lịch sử truyền giáo, phát triển đạo Tin Lành và đặc thù về mặt tổ chức (đã trình bày ở phần trên), nên vấn đề công nhận các tổ chức Tin Lành ở Việt Nam trong thời gian tới sẽ trở nên phức tạp.

Mặc dù về cơ bản đã bị dấu tranh xóa bỏ nhưng vẫn còn một bộ phận nhỏ tín đồ đạo Tin Lành bị lôi cuốn vào hoạt động chính trị như Tin Lành Dega gắn với FULRO, một tổ chức phản động chống lại cách mạng ở Tây Nguyên. Hoạt động truyền đạo Tin Lành trong người Hmông ở miền núi phía Bắc đã và đang bị lợi dụng vào hoạt động chính trị mà điển hình là “Sự kiện Mường Nhé” (Điện Biên) tháng 5/2011 vừa qua làm phương hại đến an ninh trật tự.

Đạo Tin Lành truyền bá vào vùng dân tộc thiểu số bên cạnh những yếu tố tích cực còn cho thấy hệ lụy, đó là nhiều yếu tố văn hóa truyền thống của cư dân các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên và miền núi phía Bắc bị đạo Tin Lành gạt bỏ. Về điểm này, một số giáo sĩ và các nhà thần học Tin Lành ở Việt Nam đã và đang nhận ra, nhưng vấn đề khắc phục như thế nào hiện vẫn chưa có đường hướng cụ thể từ các hội thánh<sup>6</sup>.

6. Trương Văn Thiên Tư. *Giáo dục thần học cho các Hội Thánh - cái nhìn từ bên ngoài*. Kỉ yếu Tọa đàm bàn tròn quốc tế: *Đạo Tin Lành ở Việt Nam giai đoạn 1976 - 2011*. Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2011.



Vẫn còn một bộ phận người dân (chủ yếu ở miền núi phía Bắc) theo đạo Tin Lành nhưng đời sống đạo vẫn chưa thật ổn định. Họ chỉ biết mình theo đạo Tin Lành, không nhận biết rõ mình thuộc về hệ phái nào, tổ chức Tin Lành nào. Một số tổ chức Tin Lành thay vì hoạt động truyền giáo phát triển tín đồ mới, lại di vận động tín đồ đạo Tin Lành ở hệ phái khác nhập vào tổ chức của mình. Hiện tượng này được gọi là “bắt trộm chiên”. Còn tín đồ do không xác định rõ mình thuộc hệ phái nào nên sẵn sàng bỏ hệ phái này gia nhập hệ phái khác, nhất là các hệ phái di vận động thường kèm theo tiền.

Trong tương lai, rất có thể ở Việt Nam sẽ có hiện tượng Tin Lành không hệ phái như ở một số nước Âu - Mỹ.

Việc công nhận hàng trăm điểm nhóm và các điểm nhóm trong tương lai sẽ được tiếp tục công nhận thành chi hội/Hội Thánh - một cấp hành chính đạo sẽ kéo theo nhiều vấn đề cần phải giải quyết như: đào tạo chức sắc để đảm bảo mỗi chi hội/ Hội Thánh có một chức sắc quản nhiệm, xây dựng nhà thờ, kinh sách (chủ yếu bằng tiếng dân tộc thiểu

số). Do đặc thù địa hình miền núi phía Bắc ở vùng đồng bào dân tộc Hmông, Dao bị chia cắt giữa các thôn bản nên cũng có nghĩa là chia cắt các điểm, nhóm. Khi công nhận chi hội/Hội Thánh sẽ gặp khó khăn về vấn đề mỗi chi hội/Hội Thánh có số lượng tín đồ bao nhiêu là đủ cho tối thiểu, nhà thờ xây dựng ở đâu là phù hợp.

Một tôn giáo phức tạp về lịch sử truyền giáo phát triển đạo và phức tạp về hệ phái nhưng với nguyên tắc tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân, đặc biệt là những quy định tại *Pháp lệnh Tín ngưỡng, Tôn giáo* và *Chỉ thị 01*, vấn đề đạo Tin Lành mà trọng tâm là việc công nhận tổ chức (Hội Thánh) Tin Lành đã và đang được các cấp chính quyền của Nhà nước Việt Nam triển khai thực hiện đồng bộ và tích cực. Quan hệ giữa Nhà nước Việt Nam với các hệ phái Tin Lành vì vậy được cải thiện một cách cơ bản. Giáo sĩ, tín đồ đạo Tin Lành tin tưởng vào đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam, tích cực thực hiện đường hướng hành đạo: *Sống Phúc Âm phụng sự Thiên Chúa, phục vụ Tổ quốc và Dân tộc*. /.